

Bản án số: 07/2021/KDTM-PT

Ngày: 18/6/2021

V/v “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Sơn

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bé

Ông Vũ Việt Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dương - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLPT-KDTM ngày 16/4/2021, về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2021/QĐPT-KDTM ngày 04/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 31/2021/QĐPT-KDTM ngày 19/5/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2021/QĐPT-KDTM ngày 01/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng D. Trụ sở: Số 45 đường Nguyễn Hữu D, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Khương Văn H** - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Công T** và bà **Nguyễn Thị H**. Địa chỉ: Số 99 đường Nguyễn Hữu T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, (theo Giấy ủy quyền ngày 16/01/2019), có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V. Địa chỉ: Số 174 đường L, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Hoài C** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông **Nguyễn Trung T** - Chức vụ: Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V. Địa chỉ: Số 174 đường L, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, (theo Giấy ủy quyền số 18/GUQ-CT ngày 18/5/2021) và ông **Nguyễn Văn N** - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V - Xí nghiệp 2. Địa chỉ: Tổ 4B, phường Hòa Thuận T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, (theo Giấy ủy quyền số 31/GUQ-CT ngày 18/5/2021). Ông N có mặt, ông T vắng mặt.

+ *Người bảo vệ, quyền lợi ích của bị đơn:* Ông **Hà Khánh V** - Luật sư của Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 08 đường P, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn **Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

* *Trong đơn khởi kiện ngày 20/5/2020 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Năm 2010, Xí nghiệp 2 - Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V (gọi tắt là Công ty V) với Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng D (gọi tắt là Công ty D) có ký kết Hợp đồng kinh tế số 07. Theo đó Xí nghiệp 2 giao cho Công ty D thực hiện “*Gói thầu số 27 - Thi công đường thi công vận hành đoạn từ Km 20 + 371,27 đến Nhà van, Tháp điều áp - Dự án Thủy điện Sông Bung 2*” với tổng giá trị là 6.831.000.000 đồng, đã bao gồm VAT 10%. Thực hiện hợp đồng, Công ty D đã tiến hành thi công, xây lắp gói thầu số 27 với tổng giá trị nghiệm thu, quyết toán và đã phát hành hóa đơn GTGT qua 4 đợt như sau:

Thanh toán đợt 1:	300.585.000 đồng;
Thanh toán đợt 2:	3.979.647.000 đồng;
Thanh toán đợt 3:	831.369.000 đồng;
Thanh toán đợt 4:	745.649.000 đồng;
Tổng cộng thanh toán:	5.857.250.000 đồng.

Ngày 31/12/2013, đại diện của Xí nghiệp 2 là ông Nguyễn Văn N (Giám đốc), ông Võ Thanh P (Kế toán trưởng) và đại diện của Công ty D là ông Khương Văn H (Giám đốc), bà Phan Thị N (Kế toán) tiến hành đối chiếu công nợ và ký kết “Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ”. Theo đó các bên xác nhận tính đến ngày 31/12/2013, Xí nghiệp 2 còn nợ Công ty D số tiền là 732.250.000 đồng cho Hợp đồng kinh tế số 07.

Sau khi ký kết “Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ”, ngày 27/01/2014 Xí nghiệp 209 đã thanh toán thêm 100.000.000 đồng. Kể từ đó Xí nghiệp 2 không thanh toán bất kỳ khoản nào. Như vậy, tính từ thời điểm hiện tại dư nợ tính theo Hợp đồng kinh tế số 07 mà Xí nghiệp 2 còn phải thanh toán cho Công ty D là 632.000.000 đồng.

Ngày 02/4/2012, Xí nghiệp 2 và Công ty D tiếp tục ký Hợp đồng kinh tế số 0204, theo đó Xí nghiệp 209 giao cho Công ty D nhận thầu thi công gói thầu “*San lấp mặt bằng công trình: Doanh trại tiểu đoàn 5, Trung đoàn 38, Sư đoàn 2 QK5*” với tổng giá trị là 518.021.000 đồng, đã bao gồm VAT 10%. Thực hiện Hợp đồng kinh tế số 0204, Công ty D đã tiến hành san lấp mặt bằng, hoàn thành công trình và đã được các bên ký xác nhận giá trị thanh toán là 518.021.000 đồng. Tuy nhiên, Xí nghiệp 2 chưa thanh toán bất kỳ khoản nào theo Hợp đồng kinh tế số 0204 cho Công ty D.

Như vậy, tính từ thời điểm Công ty D khởi kiện thì Xí nghiệp 2 còn nợ Công ty D theo Hợp đồng kinh tế số 07 là 632.000.000 đồng và Hợp đồng kinh tế số 0204 là 518.021.000 đồng, tổng cộng 02 Hợp đồng là 1.150.021.000 đồng. Do các bên không thể đạt được thỏa thuận giải quyết tranh chấp nên Công ty D khởi kiện Công ty V và đề nghị các yêu cầu:

+ Buộc Công ty V thanh toán cho Công ty D 632.250.000 đồng là số tiền còn chưa thanh toán theo Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ ngày 31/12/2013 của Hợp đồng kinh tế số 07 và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 17/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/01/2021 là 118.308.697 đồng.

+ Buộc Công ty V thanh toán cho Công ty D số tiền 518.021.000 đồng theo Hợp đồng kinh tế số 0204. Với khoản nợ này, Công ty D không yêu cầu Tòa án giải quyết về các vấn đề lãi, lãi suất.

Như vậy, tổng số tiền Công ty V phải trả cho Công ty D là 1.268.579.697 đồng, trong đó nợ gốc là 1.150.271.000 đồng và nợ lãi là 118.308.697 đồng.

* Trong bản tự khai ngày 21/7/2020, người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày:

Trong thời gian cùng nhau hợp tác giao nhận thầu xây dựng công trình, với nhu cầu và khả năng của hai bên thì Xí nghiệp 2 - Công ty V và Công ty TNHH Khương Dũng đã ký kết 02 hợp đồng kinh tế:

+ Hợp đồng kinh tế số 07 được ký kết năm 2010 về nhận thầu: “*Thi công vận hành đoạn từ Km 20+371,27 đến Nhà van, Tháp điều áp - Dự án Thủy điện Sông Bung 2*” với tổng giá trị là 6.831.000.000 đồng, đã bao gồm VAT 10%.

+ Hợp đồng kinh tế số 0204 được ký kết ngày 02/02/2012 về việc: “*Giao nhận san lấp mặt bằng công trình: Doanh trại tiểu đoàn 5, Trung đoàn 38, Sư đoàn 2 QK5*” với tổng giá trị là 518.021.000 đồng.

Tính đến ngày 20/7/2020, các nghĩa vụ của hai bên liên quan đến 02 hợp đồng kinh tế, Xí nghiệp 2 - Công ty V đã thanh toán 15 đợt, tổng cộng số tiền thanh toán là 5.875.000.000 đồng

Như vậy, đến thời điểm hiện tại Xí nghiệp 2 - Công ty V còn có nghĩa vụ thực hiện thanh toán công nợ đối với khối lượng thi công hoàn thành cho Công ty TNHH K, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng K là: 6.375.271.000 đồng - 5.875.000.000 đồng = 500.271.000 đồng

Tuy nhiên, theo các điều khoản tại Hợp đồng 07 đã được 02 bên ký kết. Tại

Điều 6: Tạm ứng, thanh quyết toán.

Hiện nay gói thầu số 27 thuộc dự án Thủy điện Sông Bung 2 đã được kiểm toán Nhà nước phê chuẩn, giá trị chủ đầu tư vẫn còn giữ lại của Công ty V theo quy định là 1.260.374.000 đồng và đang chờ phê duyệt tổng quyết toán chung dự án xong chủ đầu tư sẽ hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Công ty V. Đối chiếu theo các điều khoản Hợp đồng 07 đã được 02 bên ký kết thì Chủ đầu tư chưa thanh toán hết cho bên A. Vì vậy, số tiền còn lại thanh toán cho Công ty TNHH K phải chờ chủ đầu tư thanh toán cho Công ty V xong và trong thời hạn 03 ngày theo hợp đồng Công ty V sẽ chuyển trả cho bên B theo đúng hợp đồng đã ký kết.

** Với nội dung nêu trên tại Bản án kinh doanh thương mại số 02/2021/KDTM-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:*

Áp dụng: - các Điều 50, 300 và 306 của Luật Thương mại; Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 74, khoản 1 Điều 147, các Điều 227, 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng D đối với Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V.

Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V phải thanh toán cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng D số tiền là 1.268.579.697 đồng, trong đó nợ gốc là 1.150.271.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/3/2019 đến ngày 28/01/2021 là 118.308.697 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V phải chịu là 50.057.930 đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.366.135 đồng theo Biên lai thu số 9171 ngày 11/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

* Sau khi xét xử sơ thẩm trong hạn luật định, bị đơn là Công ty V kháng cáo bản án kinh doanh thương mại số 02/2021/KDTM-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên

hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng và tuyên bản án thiếu khách quan, không phản ánh đúng bản chất vụ việc, xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của Công ty V.

* Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 01/6/2021, đại diện Công ty V thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D về việc buộc Công ty V phải trả số tiền 1.268.597.697 đồng, trong đó nợ gốc là 1.150.271.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/3/2019 đến ngày 28/01/2020 là 118.308.697 đồng.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty V. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại số 02/2021/KDTM-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 01/6/2021, người đại diện và Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty V xác định Công ty V đã thanh toán cho Công ty D được 15 lần với tổng số tiền 5.857.250.000 đồng, trong đó có 02 ủy nhiệm chi ngày 17/01/2013 với số tiền 350.000.000 đồng và ngày 04/02/2013 với số tiền 300.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng nhưng không được Công ty D thừa nhận. Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập chứng cứ về 02 ủy nhiệm chi nêu trên mà Công ty V cho rằng đã thanh toán cho Công ty D. Đến ngày 03/6/2021, Công ty V có văn bản rút lại yêu cầu liên quan đến giao dịch của 02 ủy nhiệm chi ngày 17/01/2013 và ngày 04/02/2013 để tự giải quyết nội bộ và cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 650.000.000 đồng cho Công ty D. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty V thừa nhận chưa thanh toán cho Công ty D số tiền 650.000.000 đồng theo 02 ủy nhiệm chi nêu trên và có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty D. Xét thấy việc thay đổi của Công ty V là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện và Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Công ty V đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D buộc Công ty V phải thanh toán tiền lãi của Hợp đồng kinh tế số 07 với số tiền lãi là 118.308.697 đồng (tính từ ngày 17/3/2019 đến ngày

28/01/2021) và số tiền 518.000.000 đồng của Hợp đồng kinh tế số 0204 ngày 02/4/2012, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Năm 2010, Xí nghiệp 2 - Công ty V và Công ty D (trước đây là Công ty TNHH K, ngày 24/8/2012 đổi tên là Công ty TNHH Đầu tư xây dựng K) có ký kết Hợp đồng kinh tế số 07, theo đó Xí nghiệp 2 giao cho Công ty D thực hiện “*Gói thầu số 27 - Thi công đường thi công vận hành đoạn từ Km 20+371,27 đến Nhà van, Tháp điều áp - Dự án Thủy điện Sông Bung 2*” với tổng giá trị của Hợp đồng là 6.831.000.000 đồng, đã bao gồm VAT 10%. Thực hiện Hợp đồng kinh tế số 07, Công ty D đã tiến hành thi công xây lắp gói thầu số 27 với tổng giá trị nghiệm thu, quyết toán và đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng qua 04 đợt với tổng số tiền là 5.857.250.000 đồng.

Ngày 31/12/2013, đại diện của Xí nghiệp 2 là ông Nguyễn Văn N (Giám đốc), ông Võ Thanh P (Kế toán trưởng) và đại diện của Công ty D là ông Khương Văn H (Giám đốc), bà Phan Thị N (Kế toán) tiến hành đối chiếu công nợ và ký kết “Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ”. Theo đó các bên xác nhận tính đến cuối ngày 31/12/2013, Xí nghiệp 209 còn nợ Công ty D số tiền là 732.250.000 đồng cho Hợp đồng kinh tế số 07. Đến ngày 27/01/2014, Xí nghiệp 2 thanh toán thêm cho Công ty D số tiền 100.000.000 đồng, sau đó Xí nghiệp 2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Như vậy, dư nợ của Hợp đồng kinh tế số 07 hiện Công ty V còn phải thanh toán cho Công ty D là 632.250.000 đồng. Do đó, Công ty D yêu cầu Công ty V phải thanh toán cho Công ty D số tiền là 632.250.000 đồng. Còn theo người đại diện và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty V thì cho rằng do hiện nay gói thầu số 27 thuộc dự án Thủy điện Sông Bung 2 đã được kiểm toán Nhà nước phê chuẩn, giá trị chủ đầu tư vẫn còn giữ lại của Công ty V số tiền là 1.260.374.000 đồng và đang chờ phê duyệt tổng quyết toán chung dự án xong, chủ đầu tư sẽ hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Công ty V thì Công ty V sẽ chuyển trả cho Công ty D theo đúng hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, Công ty V không có chứng cứ để chứng minh cho rằng chủ đầu tư còn nợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty V phải thanh toán cho Công ty D số tiền còn lại của Hợp đồng kinh tế số 07 là 632.250.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của Công ty D buộc Công ty V phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trên số tiền gốc là 632.250.000 đồng của Hợp đồng kinh tế số 07 với số tiền lãi là 118.308.697 đồng (tính từ ngày 17/3/2019 đến ngày 28/01/2021, theo mức lãi suất 10%/năm), thì thấy: Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2013 là 30 ngày kể từ ngày Công ty D có văn bản số 01/ĐNTT - KC ngày 15/02/2019, tức là hạn cuối phải thanh toán toàn bộ nợ gốc là 632.250.000 đồng là đến hết ngày 17/3/2019. Đến nay đã quá thời hạn nhưng Xí nghiệp 2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do đó yêu cầu trả lãi của Công ty D là có căn cứ chấp nhận. Công ty D yêu cầu Công ty V trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm là thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng 8.20%/năm x 150% = 12.3%, Ngân hàng TMCP Công thương

Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng $9.5\%/năm \times 150\% = 14.25\%$, Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Văn phòng đại diện khu vực Miền Trung $8.50\%/năm \times 150\% = 12.75\%$) là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc Công ty V phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi cho Công ty D là 118.308.697 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi của Hợp đồng kinh tế số 07 thì Công ty V phải thanh toán cho Công ty D là 750.558.697 đồng; trong đó nợ gốc là 632.250.000 đồng, nợ lãi là 118.308.697 đồng (tính từ ngày 17/3/2019 đến ngày 28/01/2021).

[2.2] Ngày 02/4/2012, Xí nghiệp 2 và Công ty D có ký kết Hợp đồng kinh tế số 0204, theo đó Xí nghiệp 209 giao cho Công ty D nhận thầu thi công gói thầu “*San lấp mặt bằng công trình: Doanh trại tiểu đoàn 5, Trung đoàn 38, Sư đoàn 2 QK5*” với tổng giá trị là 518.021.000 đồng, đã bao gồm VAT 10%. Thực hiện Hợp đồng kinh tế số 0204, Công ty D đã tiến hành san lấp mặt bằng, hoàn thành công trình và được các bên ký xác nhận giá trị thanh toán, xuất hóa đơn với số tiền 518.021.000 đồng nhưng Công ty V không thanh toán tiền cho Công ty D. Do đó, Công ty D yêu cầu Công ty V phải thanh toán cho Công ty D số tiền là 518.021.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 01/6/2021, người đại diện và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Công ty V cho rằng do Công ty V chưa nhận được hồ sơ quyết toán, thanh toán từ Công ty D nên Công ty V không thanh toán tiền cho Công ty D, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay lại xác định Công ty D không thi công gói thầu đã được ký kết tại Hợp đồng kinh tế số 0204 mà do Xí nghiệp 2 thi công.

Xét thấy: Lời khai của đại diện Công ty V tại phiên tòa phúc thẩm ngày 01/6/2021 và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay có sự mâu thuẫn về đơn vị trực tiếp thi công gói thầu “*San lấp mặt bằng công trình: Doanh trại tiểu đoàn 5, Trung đoàn 38, Sư đoàn 2 QK5*”. Công ty V cũng không có chứng cứ để chứng minh cho việc Công ty D không thi công. Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 0204, Bảng tổng hợp giá trị thanh toán được các bên ký xác nhận và Công ty D xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000004 ngày 31/10/2012 cho Xí nghiệp 2 - Công ty V thì có cơ sở xác định Công ty D đã tiến hành thi công những hạng mục san lấp mặt bằng và hoàn thành công trình được ký kết tại Hợp đồng kinh tế số 0204 nhưng chưa được Công ty V thanh toán số tiền là 518.021.000 đồng. Do đó, cần buộc Công ty V phải thanh toán cho Công ty D số tiền là 518.021.000 đồng.

[2.3] Tại giai đoạn sơ thẩm, tại Công văn số 23/CV-XN ngày 21/7/2020 (bút lục số 122-125) Công ty V đã xác nhận tính đến ngày 20/7/2020, các nghĩa vụ của hai bên liên quan đến 02 Hợp đồng kinh tế thì Xí nghiệp 2 - Công ty V đã thanh toán 15 đợt với tổng số tiền là 5.875.000.000 đồng (trong đó có 02 ủy nhiệm chi ngày 17/01/2012 và ngày 04/02/2012). Như vậy, đến thời điểm hiện tại Xí nghiệp 2 - Công ty V còn có nghĩa vụ thực hiện thanh toán công nợ đối với khối lượng thi công hoàn thành cho Công ty D là 6.375.271.000 đồng - 5.875.000.000 đồng = 500.271.000 đồng. Cũng tại Công văn số 48/CV-XN số 12/12/2020 (bút lục số 122-125), Công ty V xác nhận số dư nợ đối với Công ty D là 500.271.000 đồng. Tuy nhiên, 02 ủy nhiệm

chi ngày 17/01/2012 và ngày 04/02/2012 với tổng số tiền 650.000.000 đồng, Công ty V xác nhận chưa thanh toán cho Công ty D nên Công ty V phải thanh toán số tiền gốc còn lại của 02 Hợp đồng cho Công ty D là 1.150.271.000 đồng (650.000.000 đồng + 500.271.000 đồng) là phù hợp với số tiền mà Công ty D khởi kiện.

[2.4] Như vậy, tổng số tiền Công ty Vạn Tường phải trả cho Công ty D của 02 Hợp đồng kinh tế số 07 và số 0204 là 1.268.579.697 đồng; trong đó nợ gốc là 1.150.271.000 đồng, nợ lãi là 118.308.697 đồng (tính từ ngày 17/3/2019 đến ngày 28/01/2021).

[2.5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty V. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại số 02/2021/KDTM-ST ngày 28/02/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại:

[3.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 50.057.930 đồng, Công ty V phải chịu.

+ Công ty D không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.366.135 đồng tại Biên lai thu số 9171 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[3.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty V phải chịu là 2.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng tại biên lai số 0005308 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308; các Điều 147, 148, 284, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 138, 141, 144 Luật Xây dựng; Điều 306 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V.

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại số 02/2021/KDTM-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng D đối với Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V.

Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V phải trả cho Công ty TNHH Đầu tư xây dựng D số tiền là 1.268.579.697 đồng (một tỷ, hai trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm chín mươi bảy đồng); trong đó nợ gốc là 1.150.271.000 đồng, nợ lãi là 118.308.697 đồng (tính từ ngày 17/3/2019 đến ngày 28/01/2021).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 50.057.930 đồng (năm mươi triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, chín trăm ba mươi đồng), Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V phải chịu.

+ Hoàn trả cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.366.135 đồng (hai mươi tư triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi lăm đồng) theo Biên lai thu số 9171 ngày 11/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V phải chịu là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tại biên lai số 0005308 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Sơn

